

Số: /KH-KHCN

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh về Phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh về Phát triển nguồn tin Khoa học và Công nghệ (KH&CN) giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2023, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã xác định tại Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh về Phát triển nguồn tin KH&CN giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (gọi tắt là Kế hoạch 292/KH-UBND), đảm bảo phù hợp với điều kiện của tỉnh và cụ thể đối với các cấp, các ngành, các địa phương.

- Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời, có hiệu quả nguồn tin KH&CN trong tỉnh, trong nước đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh năm 2023.

2. Yêu cầu

- Các nội dung thực hiện phải cụ thể hóa, bám sát mục tiêu của Kế hoạch số 292/KH-UBND.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan triển khai các nội dung của Kế hoạch hiệu quả, chất lượng và theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Xây dựng và phát triển các nguồn tin KH&CN

1.1. Xây dựng và phát triển thông tin thư mục và toàn văn về nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở (*gồm cả nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước*).

- Cung cấp, cập nhật, lưu giữ, công bố thông tin nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở và cấp tỉnh lên hệ thống CSDL quốc gia về KH&CN;
- Số hóa hồ sơ báo cáo, sản phẩm kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh;
- Nhập CSDL lên trang nhiemvukhcn.bacgiang.gov.vn;

1.2. Cập nhật, số hóa CSDL KH&CN trên địa bàn tỉnh, triển khai tích hợp vào hệ thống CSDL quốc gia về KH&CN và khai thác CSDL quốc gia phục vụ công tác nghiên cứu, tìm kiếm thông tin của các tổ chức, cá nhân, bao gồm: Tổ chức KH&CN; cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thống kê KH&CN; công nghệ, thiết bị; doanh nghiệp KH&CN...

2. Bổ sung, mua quyền truy cập các nguồn tin KH&CN

- Mua quyền truy cập CSDL trong phạm vi Liên hợp thư viện Việt Nam về nguồn tin KH&CN.
- Bổ sung CSDL các chuyên đề khoa học và công nghệ.

3. Tuyên truyền hướng dẫn người dân tra cứu, khai thác nguồn tin KH&CN

- Phối hợp với đài PTTH tỉnh, Báo Bắc Giang tuyên truyền hướng dẫn người dân tra cứu, khai thác nguồn tin KH&CN.
- Tổ chức tập huấn hướng dẫn cho các tổ chức, công dân khai thác, sử dụng dịch vụ ứng dụng về phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ.

4. Nâng cao năng lực cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ

Tổ chức tập huấn cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN về chia sẻ, khai thác nguồn tin khoa học và công nghệ cho các đơn vị mạng lưới các Sở, ban, ngành; Các phòng, đơn vị thuộc Sở; UBND các huyện, thành phố; tổ chức chính trị xã hội; trường Đại học, cao đẳng... trên địa bàn tỉnh.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện: 166.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng*) từ nguồn chi Quản lý nhà nước không thực hiện tự chủ giao cho khối Văn phòng Sở năm 2023.

(*Có phụ lục kinh phí kèm theo*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì phối hợp với các phòng, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch hiệu quả.

2. Phòng Quản lý công nghệ và thị trường công nghệ

- Phối hợp Trung tâm Ứng dụng KH&CN cung cấp CSDL về công nghệ; doanh nghiệp KH&CN, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

3. Phòng Quản lý Khoa học, Quản lý cơ sở và sở hữu trí tuệ

- Phối hợp Trung tâm Ứng dụng KH&CN cung cấp thông tin phục vụ cho việc đăng ký, cập nhật, lưu giữ, công bố kết quả, sản phẩm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở và cấp tỉnh.

4. Văn phòng Sở

- Tham mưu, bố trí kinh phí, hướng dẫn thanh quyết toán nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

5. Các phòng, đơn vị thuộc Sở

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp cung cấp thông tin để cập nhật cơ sở dữ liệu về KH&CN và triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2023.

(*Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 28/KH-KHCN ngày 8/2/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ*).

Nơi nhận:

- Chủ tịch; các PCT.UBND tỉnh (B/c);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh Mai Sơn (B/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lãnh đạo TT, các phòng thuộc TT;
- Lưu: VT, TTUD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục I
DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGUỒN TIN KH&CN NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày / /2023 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Cơ sở xây dựng định mức
I	Xây dựng, phát triển các nguồn tin KH&CN					
-	Xây dựng, cập nhật, lưu giữ, công bố thông tin nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Thông tư số 14/TT-BKHCN				19,403,000	
-	Mua hộp đựng tài liệu lưu trữ loại 7cm	Chiếc	30	30,000	900,000	Đơn giá thực tế
-	Hộp đựng tài liệu loại 15cm.	Chiếc	15	60,000	900,000	
-	In giấy chứng nhận (mỗi nhiệm vụ in 4 giấy chứng nhận).	Tờ	120	15,000	1,800,000	
-	Nhập dữ liệu lên hệ thống CSDL quốc gia về KHCN (nhiệm vụ đang tiến hành)	Biểu ghi	40	12,000	480,000	Chi theo khoản 1, điều 4 của TT 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ tài Chính.
-	Nhập dữ liệu lên hệ thống CSDL quốc gia về KHCN (nhiệm vụ đã nghiệm thu).	Biểu ghi	40	15,750	630,000	Chi theo khoản a, mục 1, điều 4 của Thông tư 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ tài Chính.
-	Nhập CSDL lên trang nhievukhcn.bacgiang.gov.vn	Biểu ghi	80	7,875	630,000	Chi theo khoản 1, điều 4 của TT 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ tài Chính.
-	Số hóa hồ sơ báo cáo, sản phẩm kết quả nghiên cứu trên địa bàn tỉnh (trung bình 25-30 hồ sơ, sản phẩm kết quả nghiên cứu, mỗi hồ sơ dự kiến 80-100 trang). Các CSDL chuyên đề KHCN	Trang	4018	3,500	14,063,000	Chi theo khoản 6, điều 4 của TT 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ tài Chính.

II	Bổ sung, mua quyền truy cập nguồn tin KH&CN				68,257,000	
-	<i>Tham gia Liên hợp thư viện Việt Nam về nguồn tin KH&CN</i>					
-	Bổ sung, mua quyền truy cập CSDL trong phạm vi Liên hợp thư viện Việt Nam về nguồn tin KH&CN	Năm	1	25,000,000	25,000,000	Theo Báo giá của đơn vị được Cục Thông tin KH&CN quốc gia cung cấp.
-	Bổ sung CSDL các chuyên đề KHCN	CDSL	25	1,500,000	37,500,000	Theo Báo giá của đơn vị được Cục Thông tin KH&CN quốc gia cung cấp
-	Mua sách, báo, tài liệu KHCN: Tạp chí KHCN, mua sách KHCN...				5,757,000	
III	Tuyên truyền trên Báo, đài				18,600,000	
-	Báo Bắc Giang	Kỳ	4	1,650,000	6,600,000	Theo báo giá của Báo BG
-	Đài PTTH	Kỳ	1	12,000,000	12,000,000	Theo báo giá của Đài PTTH
IV	Nhiệm vụ khác				59,740,000	
-	Tập huấn cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN	Lớp	1	9,100,000	9,100,000	
-	Hướng dẫn người dân tra cứu, khai thác nguồn tin KHCN	Hội nghị	3	16,880,000	50,640,000	
	Tổng				166,000,000	
<i>Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng</i>						

Phụ lục II
KINH PHÍ TỔ CHỨC TẬP HUẤN, HỘI NGHỊ NGUỒN TIN KH&CN NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày / /2023 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: đồng

1. Tập huấn cho các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN : 01 lớp, 80 đại biểu, 2 ngày.

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Chi phí cho giảng viên					
1	Thù lao cho Giảng viên, trình độ Đại học (2người*1.000.000/buổi * 2 ngày	Buổi	4	1,000,000	4,000,000	Theo NQ số 27/2018 /NQ-HĐND
2	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên (150.000 người/ngày* 1 ngày * 2 người)	Ngày	2	300,000	600,000	Theo NQ số 27/2018/ NQ-HĐND
3	Thuê xe đưa đón giảng viên (Hà Nội)	Chuyến	1	1,500,000	1,500,000	
4	Thuê phòng ngủ cho GV	người	2	300,000	600,000	Theo NQ số 27/2018/ NQ-HĐND
II	Chi phí khác (nước uống, VPP...)					
1	Giải khát giữa giờ (80 học viên * 30.000 người/ngày* 1 ngày)	Người	80	30000	2,400,000	Theo NQ số 27/2018/ NQ-HĐND
	Tổng cộng				9,100,000	
Số tiền bằng chữ: Chín triệu một trăm nghìn đồng						

2. Hội nghị Hướng dẫn người dân tra cứu, khai thác nguồn tin KHCN (3 hội nghị)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Chi phí cho giảng viên					
1	Thù lao cho Giảng viên, trình độ Đại học (2người*1.000.000/buổi * 3 HN	Buổi	6	1,000,000	6,000,000	Theo NQ số 27/2018/NQ-HĐND
2	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên (150.000k/người/ngày* 1 ngày * 2 người)	Ngày	3	300,000	900,000	Theo NQ số 27/2018/NQ-HĐND
3	Thuê xe đưa đón giảng viên (tại Hà Nội và đi các huyện Tân Yên, Lục Ngạn, Yên Dũng)	Chuyến	3	2,000,000	6,000,000	
II	Chi phí khác (nước uống, VPP...)					
1	Đại biểu không hưởng lương 70 người x 3 HN	người	210	100,000	21.000,000	Theo NQ số 27/2018/NQ-HĐND
2	Giải khát giữa giờ (70 BĐ không hưởng lương, 10 đại biểu CB huyện/xã) * 30.000 người/ngày* 3 HN)	Người	240	30,000	7,200,000	Theo NQ số 27/2018/NQ-HĐND
3	Phô tô Tài liệu 70 bộ (CB không hưởng lương)x 3 hội nghị	bộ	210	34,000	7,140,000	
4	Hội trường, khánh tiết	hội nghị	3	820,000	2,460,000	
	Tổng cộng				50,640,000	
Số tiền bằng chữ: Năm mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn						